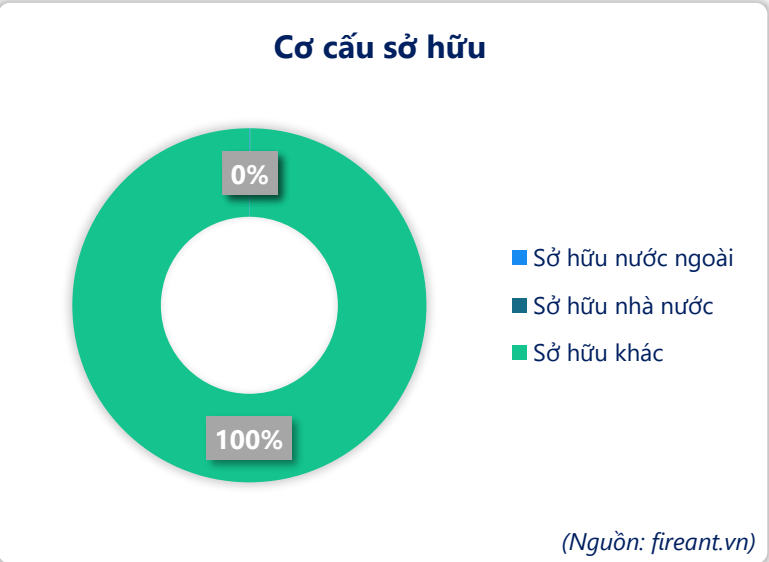
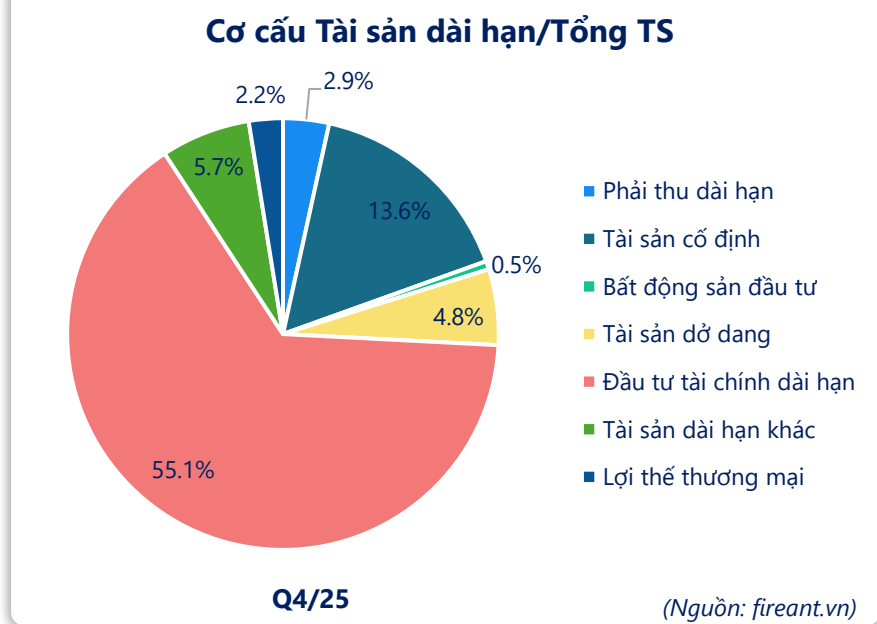
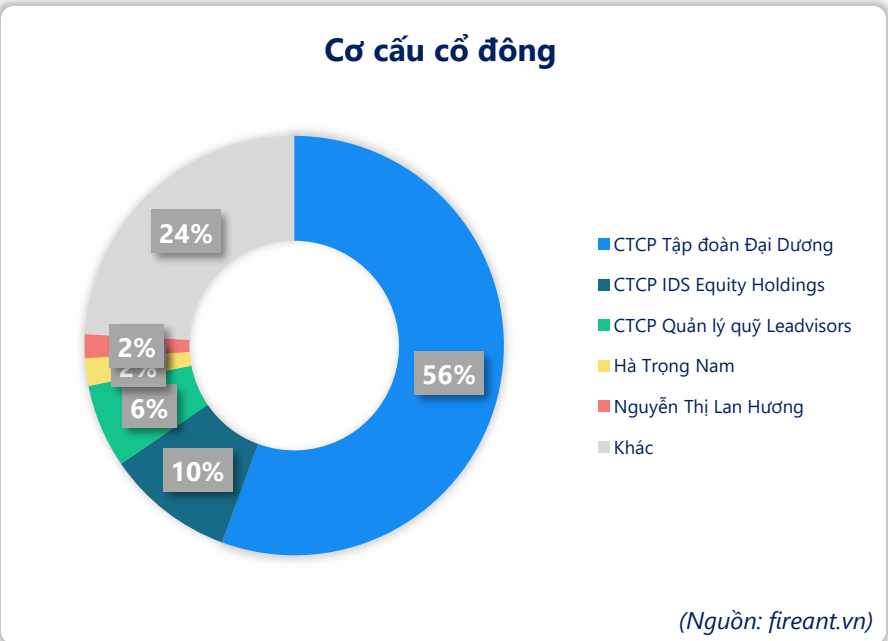
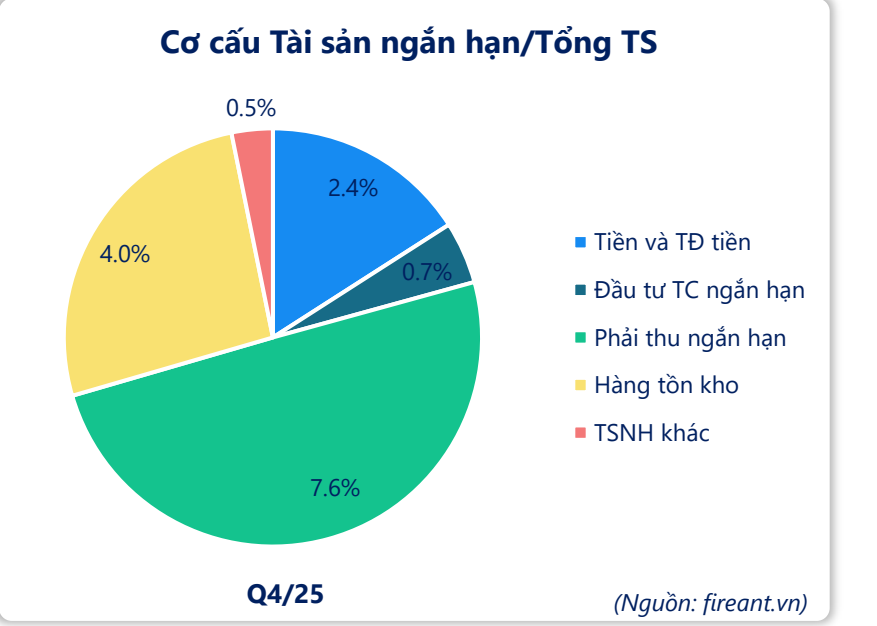
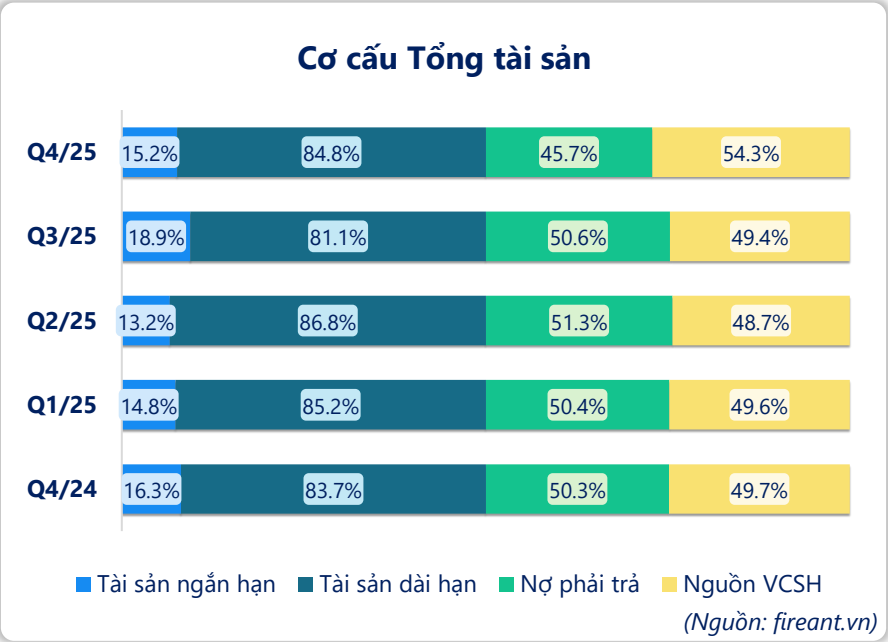


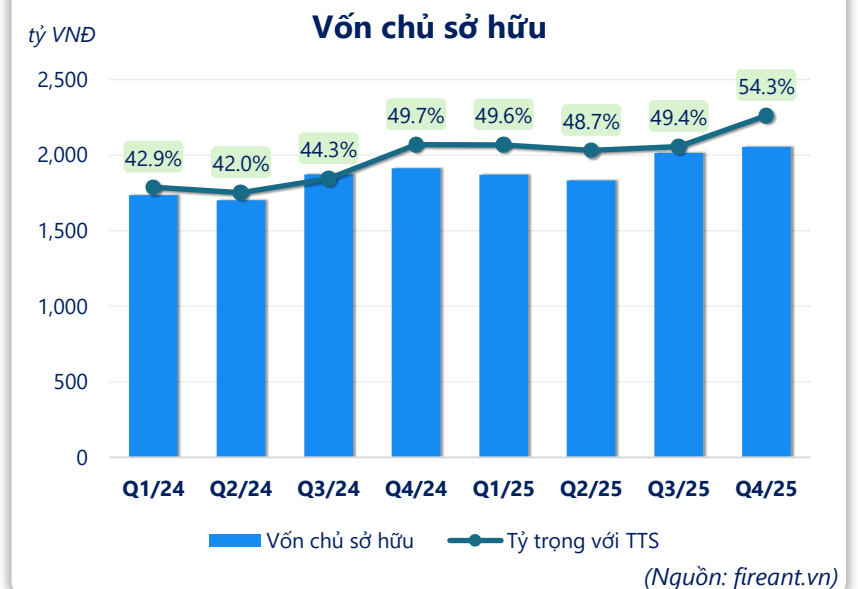
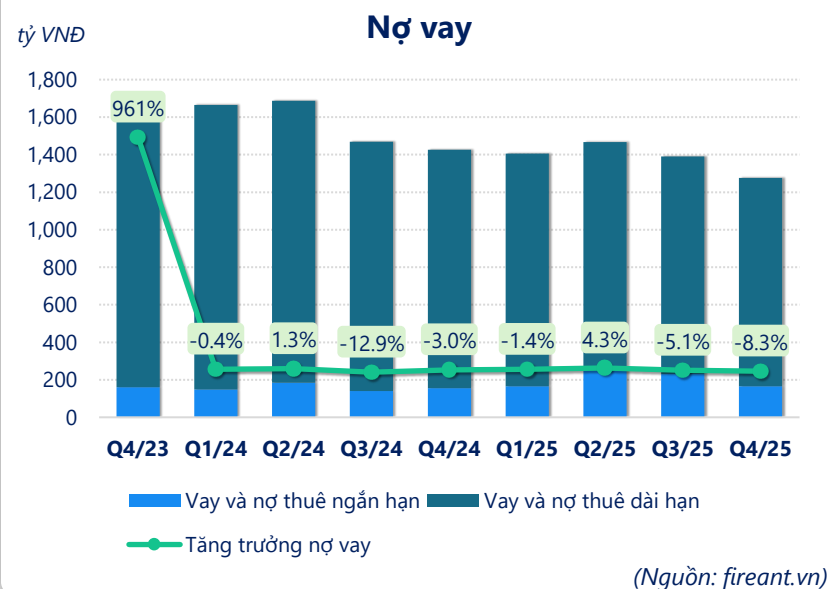
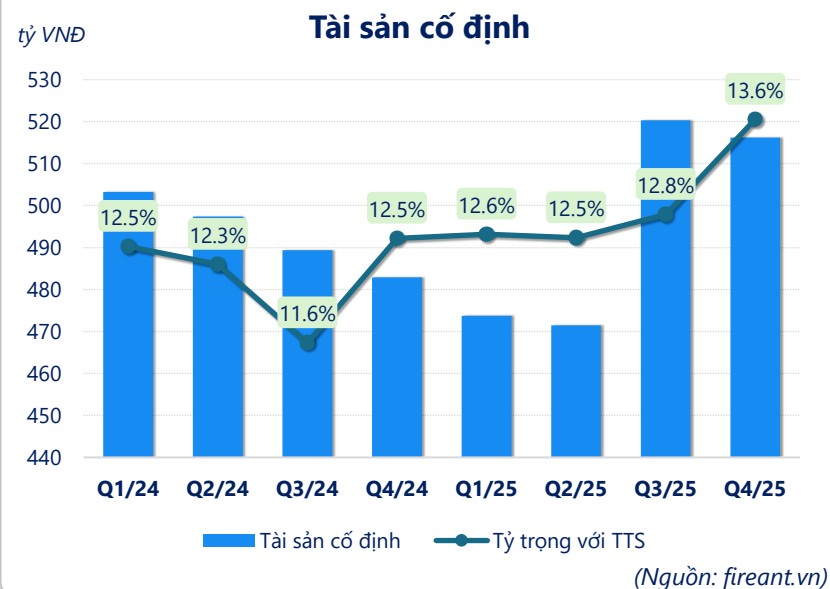
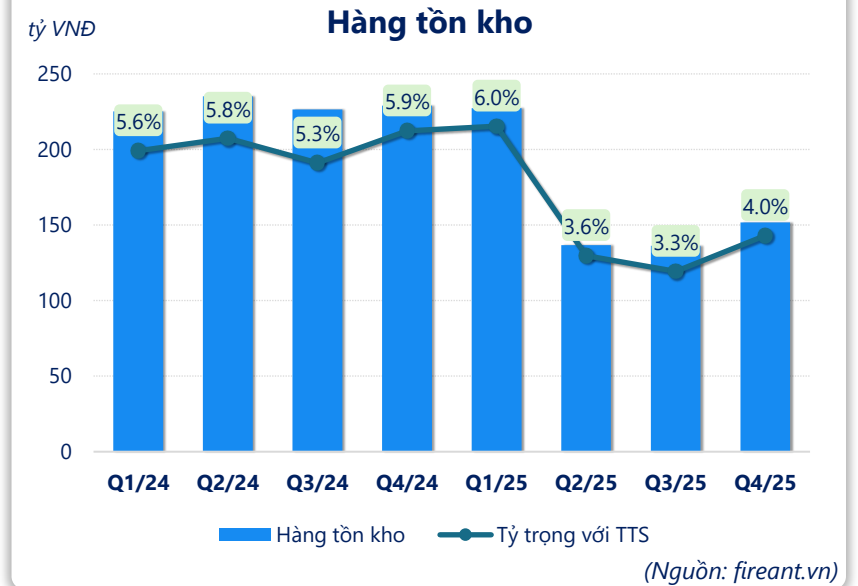
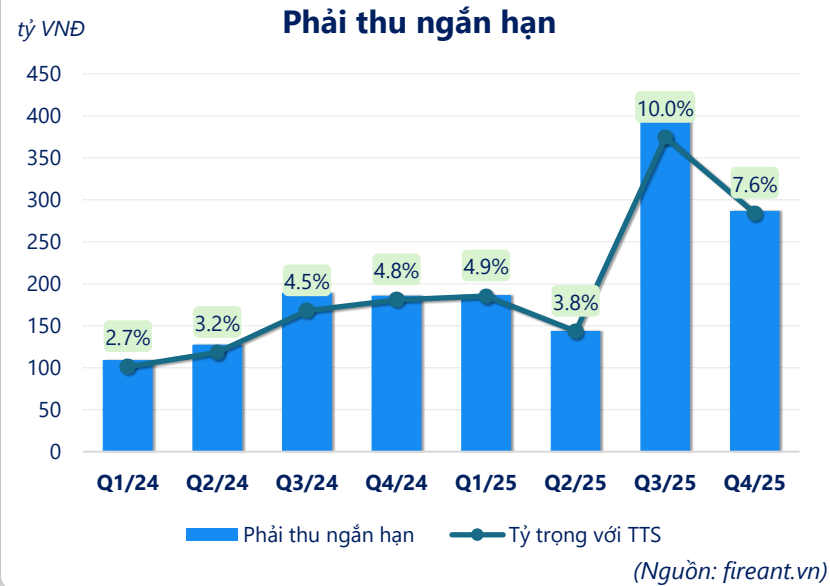
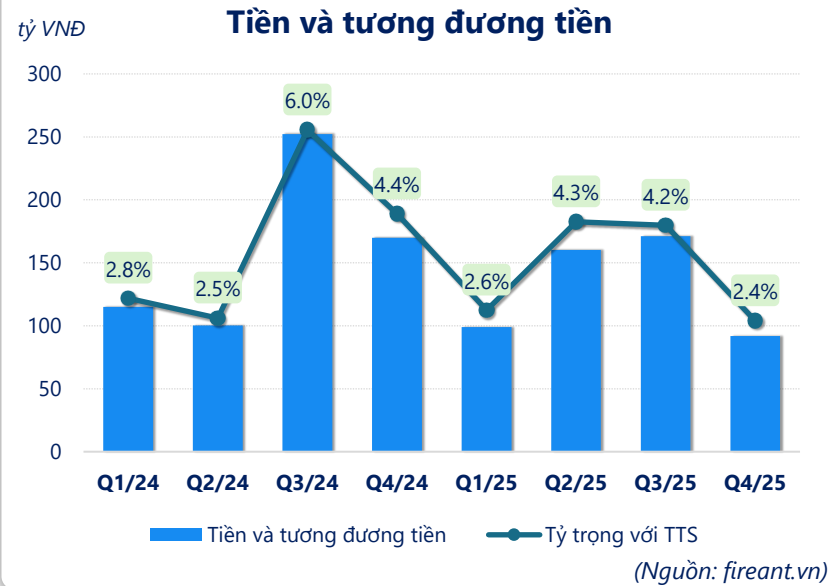
Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,100
SL cổ phiếu LH		200,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		27,925
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,220
P/E		15.8
EPS		385

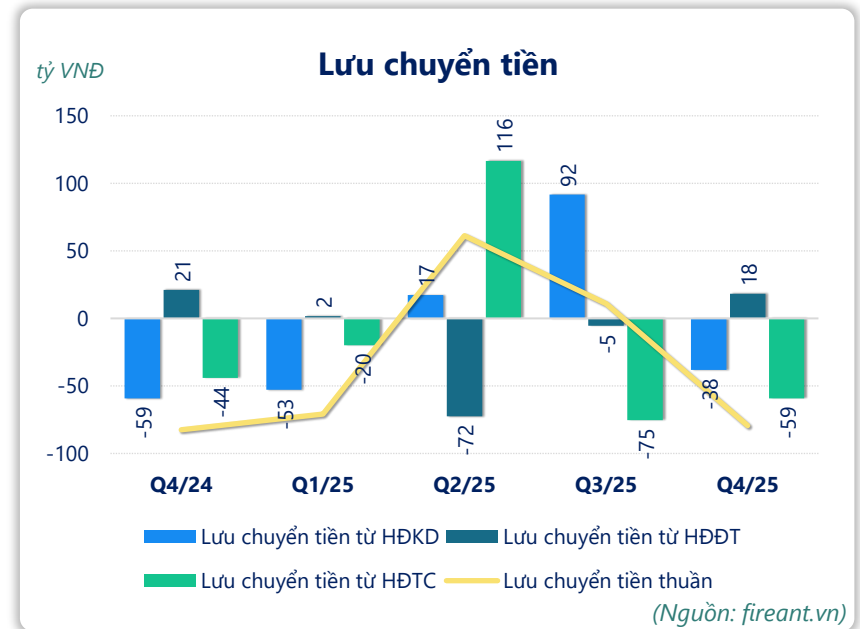
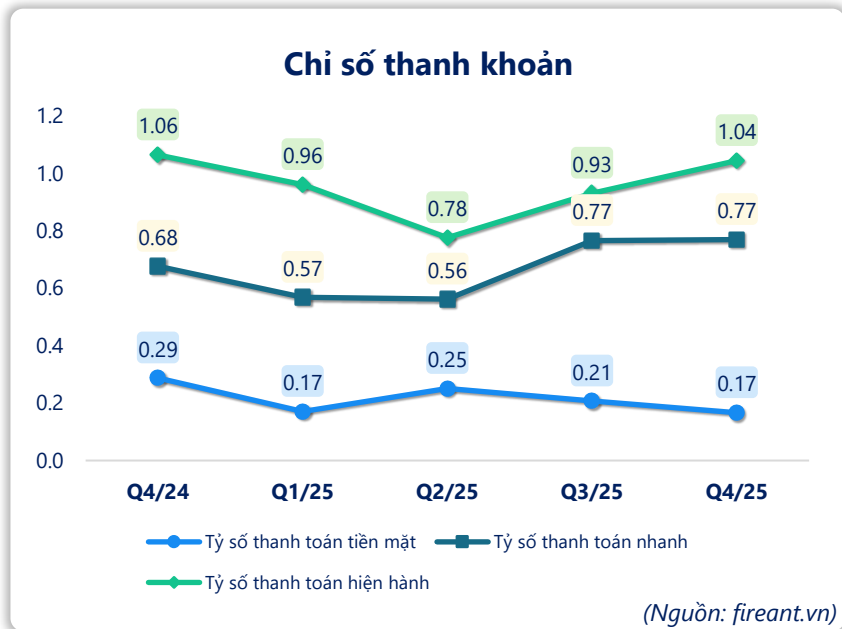
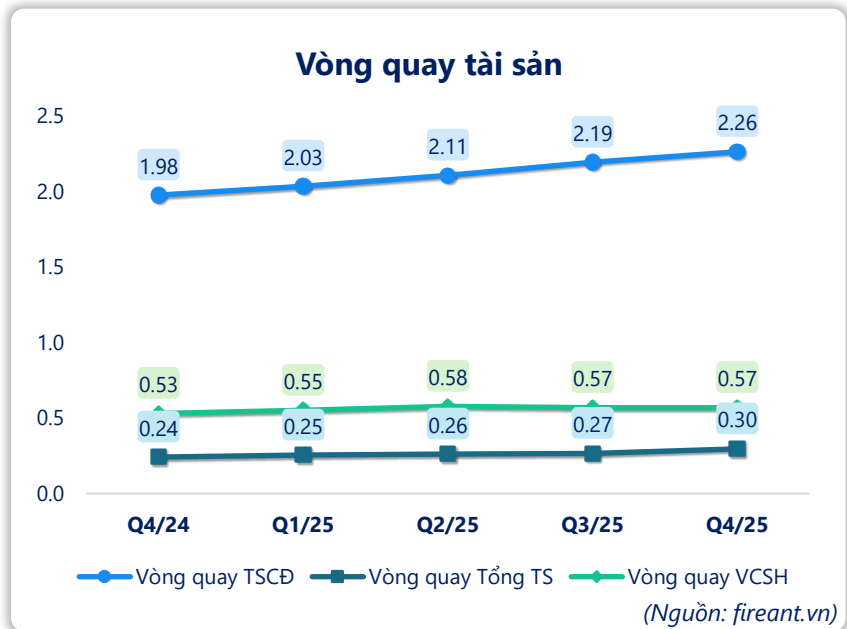
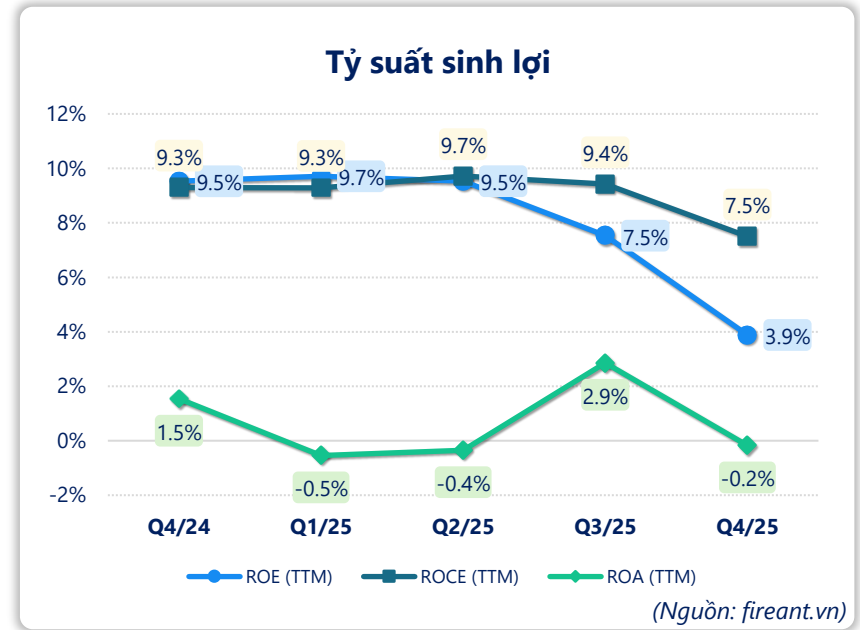
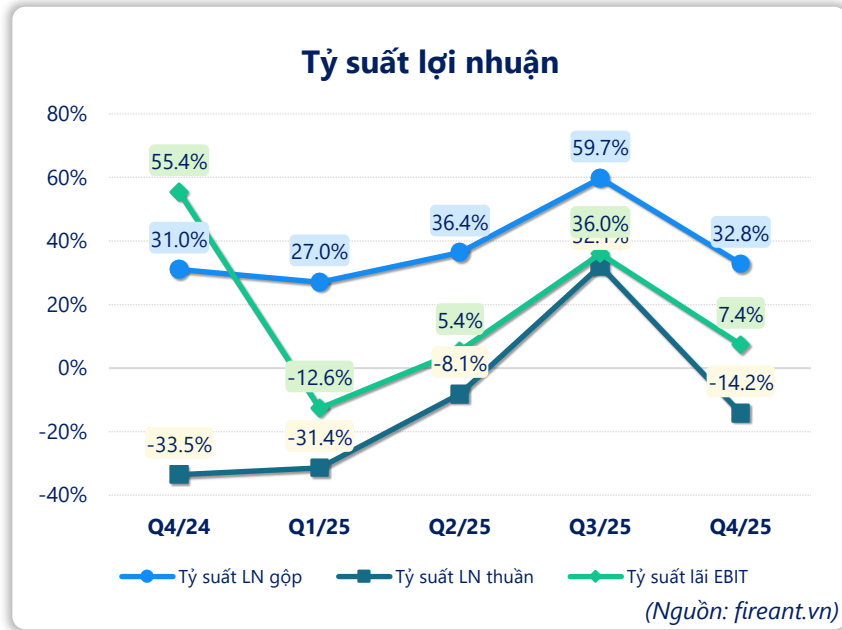
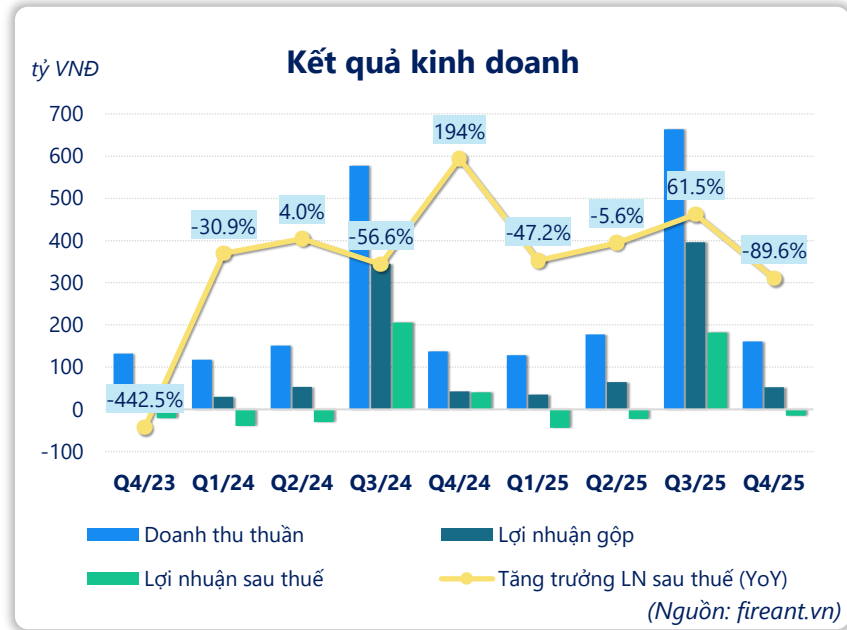
	YTD	1T	3T	6T
OCH	8.9%	-6.2%	1.7%	-1.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%



CTCP One Capital Hospitality (HNX: OCH)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,787	3,853	-1.7%
Tài sản ngắn hạn	576	629	-8.3%
Tiền và tương đương tiền	91.8	170	-45.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	27.6	26.0	6.2%
Phải thu ngắn hạn	287	186	54.6%
Hàng tồn kho	152	229	-33.7%
Tài sản ngắn hạn khác	18.4	18.4	0.0%
Tài sản dài hạn	3,210	3,225	-0.4%
Phải thu dài hạn	111	203	-45.5%
Tài sản cố định	516	483	6.9%
Bất động sản đầu tư	20.0	21.2	-5.7%
Tài sản dở dang	182	182	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,085	2,085	0.0%
Tài sản dài hạn khác	215	219	-1.8%
Lợi thế thương mại	81.7	32.1	154%
Nợ phải trả	1,731	1,939	-10.7%
Nợ ngắn hạn	552	590	-6.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	166	155	6.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	28.3	25.6	10.4%
Nợ dài hạn	1,179	1,349	-12.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,110	1,270	-12.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,056	1,914	7.4%
Vốn chủ sở hữu	2,056	1,914	7.4%
Vốn điều lệ	2,000	2,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	137	128	178	663	161
Giá vốn hàng bán	94.6	93.7	113	267	108
Lợi nhuận gộp	42.6	34.7	64.7	396	52.7
Doanh thu HĐTC	5.76	2.19	3.08	3.37	5.01
Chi phí TC	28.0	26.8	27.2	28.1	26.0
Chi phí lãi vay	27.9	26.8	27.2	28.1	26.0
LN trong công ty LKLD	2.25	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	28.2	26.3	27.8	126	29.1
Chi phí QLDN	40.5	24.0	27.2	32.5	25.4
LN thuần từ HĐKD	-46.0	-40.3	-14.4	213	-22.8
Lợi nhuận khác	94.1	-2.71	-3.18	-2.80	8.64
LN trước thuế	48.1	-43.0	-17.6	210	-14.2
Lợi nhuận sau thuế	40.6	-43.9	-22.5	182	-15.0
LNST của CĐ cty mẹ	62.6	-21.2	-13.8	119	-6.75

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-59.3	-52.8	17.2	91.8	-38.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	21.0	1.64	-72.4	-5.48	18.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-44.2	-19.8	116	-75.3	-59.3
Tiền đầu kỳ	252	170	98.8	160	171
Lưu chuyển tiền thuần	-82.5	-70.9	61.3	11.0	-79.3
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.05	0	0.06	0	-0.04
Tiền cuối kỳ	170	98.8	160	171	91.8

(Nguồn: fireant.vn)